

Số: 225/KH-MNQT

Quảng Thịnh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

KẾ HOẠCH
NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2025 – 2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG

Căn cứ thông tư số 52/TT- BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thông tư ban hành điều lệ trường mầm non;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non;

Căn cứ quyết định số 4222/QĐ-BGDĐT, ngày 27/12/2024 của Bộ giáo dục đào tạo về việc ban hành bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi;

Căn cứ vào mục tiêu của Chương trình giáo dục nhà trẻ độ tuổi từ 3 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi, Chương trình giáo dục độ tuổi mẫu giáo từ 3 tuổi đến 6 tuổi về tất cả các lĩnh vực phát triển;

Căn cứ Quyết định số 3261/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025, của UBND tỉnh Quảng Ninh về Quyết định về việc Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ yêu cầu đổi mới công tác giáo dục mầm non hàng năm được triển khai qua các đợt tập huấn chuyên môn;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường.

II. BỐI CẢNH, ĐIỀU KIỆN CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Bối cảnh bên ngoài

1.1. Thời cơ

- Thu nhập của phụ huynh tương đối ổn định ở mức trung bình, trung bình khá. Có khả năng tài chính và luôn sẵn sàng tham gia hỗ trợ vào các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ của nhà trường

- Nhu cầu của cha mẹ học sinh gửi con tại trường và sự tín nhiệm của cha mẹ học sinh, cộng đồng ngày càng tăng.

1.2. Thách thức

- Xã hội ngày càng phát triển và hội nhập vì thế đòi hỏi chất lượng chăm sóc giáo dục trong nhà trường phải luôn được nâng cao. Điều này đòi hỏi, CBQL nhà trường cần đổi mới quan điểm quản lý, chỉ đạo; thường xuyên cập nhật những nội

dung, phương pháp mới, tiên tiến để vận dụng vào công tác của trường.

- Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng về công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDMN.

- Vẫn còn một số cha mẹ học sinh nhất là đối với trẻ 5-6 tuổi, đều có nguyện vọng cho trẻ học trước chương trình lớp 1 và cho trẻ học dự thính ở các cơ sở bên ngoài.

- Nhiều phụ huynh trên thôn 3 (thôn có 98% là người dân tộc Dao) do có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nhận thức của người dân chưa thấy được tầm quan trọng của việc cho trẻ nhà trẻ ra nhóm, do đó tỷ lệ tuyển sinh trẻ trong nhà trường chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

2. Bối cảnh bên trong nhà trường

2.1. Điểm mạnh

- Nhà trường có truyền thống hơn 20 năm xây dựng và phát triển. Đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Có uy tín trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non được xã hội và cộng đồng ghi nhận.

- Đội ngũ nhà trường đủ về số lượng, đảm bảo 2,0 GV /lớp. 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo, trong đó có 100% trên chuẩn.

- Trẻ đi học đều, tỷ lệ chuyên cần đạt 90% trở lên, trẻ khỏe mạnh, nhanh nhẹn. Trên 90% trở lên trẻ 4 tuổi, 5 tuổi đạt các chỉ số đầu ra cuối độ tuổi.

- Môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; Cơ sở vật chất đảm bảo theo quy định.

- Lực lượng giáo viên trường luôn vững vàng về tư tưởng chính trị, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, đoàn kết, giản dị, yêu nghề mến trẻ, tôn trọng và đối xử công bằng với trẻ. Tập thể giáo viên luôn hòa đồng, thể hiện tinh thần sáng tạo, giúp đỡ nhau tận tình qua học tập các chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn; tích cực tham gia các phong trào thi đua do Đảng, Nhà nước, Ngành giáo dục, nhà trường phát động và đạt nhiều thành tích cao

2.2. Điểm yếu

- Cơ sở vật chất điểm trường khu B chưa có bếp nấu ăn cho trẻ nên còn phải vận chuyển thức ăn từ khu trung tâm sang.

- Một số giáo viên đổi mới phương pháp dạy học còn hạn chế.

- Trong nhà trường còn có 1 điểm trường khó khăn trong công tác quản lý

III. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm

sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng tự tin, sáng tạo, hợp tác làm việc nhóm, có lòng yêu thương, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, bước đầu làm quen với các các phương tiện công nghệ hiện đại theo nhu cầu, khả năng của trẻ, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời

2. Mục tiêu cụ thể theo từng lĩnh vực giáo dục

2.1. Nhà trẻ

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 18 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- xã hội và thẩm mỹ.

2.1.1. Lĩnh vực phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi;
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ;
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi;
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhANH NHẸN, KHÉO LÉO, THĂNG BẰNG CƠ THỂ);
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay;
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

2.1.2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh;
- Có sự nhạy cảm của các giác quan;
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản;
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật hiện tượng gần gũi, quen thuộc.

2.1.3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ;
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu;
- Hồn nhiên trong giao tiếp.
- Trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói;

2.1.4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi;
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi;
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt;

- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc, thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện.

2.2. Mẫu giáo

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ từ 3 tuổi đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

2.2.1. Lĩnh vực phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi;
- Có một số tố chất vận động: Nhanh nhẹn, mạnh khỏe, khéo léo và bền bỉ;
- Thực hiện được vận động cơ bản vững vàng, đúng tư thế;
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian;
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay;
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

2.2.2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh;
- Trẻ có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định;
- Trẻ có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau;
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu;
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

2.2.3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày;
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...);
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày;
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại chuyện;
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với tuổi;
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

2.2.4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân;
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh;
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực;
- Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ;
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

2.2.5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật;
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình;
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật, có ý thức giữ gìn, bảo vệ cái đẹp.

IV. XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Kế hoạch thực hiện

a) Phân phối thời gian

- Căn cứ theo Quyết định số 2269/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 8 năm 2025, của Bộ giáo dục và đào tạo Quyết định về việc Ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Chương trình thiết kế cho 35 tuần học/năm học cụ thể

- Học kỳ I: + Ngày bắt đầu học kỳ từ 08/09/2025
 + Ngày kết thúc học kỳ: 09/01/2026
- Học kỳ II: + Ngày bắt đầu học kỳ từ 12/01/2026
 + Ngày kết thúc học kỳ: 22/05/2026

b) Chế độ sinh hoạt

* Chế độ sinh hoạt cho trẻ nhà trẻ tháng tuổi * Chế độ sinh hoạt cho trẻ mẫu giáo

Thời gian	Hoạt động	Thời gian	Hoạt động
7h00' – 7h45'	Đón trẻ, chơi	7h00' – 7h45'	Đón trẻ, chơi
7h45' – 8h20'	Thể dục sáng, điểm danh	7h45' – 8h30'	Thể dục sáng, điểm danh
8h20' – 10h00'	Chơi – tập	8h30' – 9h10'	Học

10h00' – 10h15'	Vệ sinh trước khi ăn	9h10' – 9h50'	Chơi, hoạt động ở các góc
10h15' – 11h15'	Ăn bữa chính 1	9h50' – 10h20'	Chơi ngoài trời
11h15' – 13h45'	Ngủ trưa	10h20' – 10h30'	Vệ sinh trước khi ăn
13h45' – 14h10'	Ăn bữa phụ	10h30' – 11h30'	Ăn bữa chính
14h10' – 15h00'	Chơi – tập	11h30' – 14h00'	Ngủ trưa
15h00' - 15h45'	Ăn bữa chính 2	14h00' – 14h30'	Ăn bữa phụ
15h45' - 16h30'	Chơi/trả trẻ	14h30' – 15h45'	Chơi, hoạt động theo ý thích
		15h45' – 16h30'	Về sinh trả trẻ

2. Nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo độ tuổi và Kết quả mong đợi

2.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

2.1.1. Tổ chức ăn

a. Độ tuổi nhà trẻ (18-36 tháng)

Chế độ ăn	Số bữa ăn tại trường	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị về năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ (chiếm 60-70% nhu cầu cả ngày)	Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng			Nước uống
				P	L	G	
Cơm thường	Hai bữa chính và một bữa phụ	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal	13 – 20%	30 – 40%	47 – 50 %	0,8 - 1,6l

b. Độ tuổi mẫu giáo

Chế độ ăn	Số bữa ăn tại trường	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị về năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ (chiếm 60-70% nhu cầu cả ngày)	Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng			Nước uống
				P	L	G	
Cơm thường	Một bữa chính và một bữa phụ	1230 – 1320 Kcal	615 - 726 Kcal	13 – 20%	25 – 35%	52 – 60%	1,6 - 2,0l

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

2.1.2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

2.1.3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

2.1.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Thực hiện tốt bảng kiểm theo Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GD “Thông tư quy định về Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non”.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng và phòng chống dịch bệnh thường gặp cho trẻ.

2.2. Giáo dục

2.2.1. Độ tuổi 18-24 tháng (Có phụ lục kèm theo)

2.2.2. Độ tuổi 24-36 tháng (Có phụ lục kèm theo)

2.2.3. Độ tuổi 3-4 tuổi (Có phụ lục kèm theo)

2.2.4. *Độ tuổi 4-5 tuổi (Có phụ lục kèm theo)*

2.2.5. *Độ tuổi ghép 3, 4 tuổi (Có phụ lục kèm theo)*

2.2.6. *Độ tuổi 5-6 tuổi (Có phụ lục kèm theo)*

3. Các hoạt động giáo dục, hình thức, phương pháp giáo dục và tổ chức môi trường giáo dục

3.1. Các hoạt động giáo dục:

3.1.1 Độ tuổi nhà trẻ

(1). Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hơn hởi, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

(2). Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

(3). Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

(4). Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

(5). Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

3.1.2. Độ tuổi mẫu giáo

(1). Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.

- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

(2). Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

(3). Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

(4). Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

4.2. Hình thức tổ chức

4.2.1. Nhà trẻ

(1). Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

(2). Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

(3). Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

4.2.1. Mẫu giáo

(1). Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

(2). Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

(3). Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

4.3. Phương pháp giáo dục

4.3.1. Nhà trẻ

(1). Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gắn bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

(2). Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

(3). Nhóm phương pháp thực hành

a) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

b) Trò chơi

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

c) Luyện tập

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói

của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

(4). Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

(5). Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

4.3.2. Mẫu giáo

(1). Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

(2). Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (*quan sát, làm mẫu, minh họa*)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại,

vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

(3). Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

(4). Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

4.4. Tổ chức môi trường giáo dục

4.4.1. Nhà trẻ

(1). Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

(2). Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

4.4.2. Mẫu giáo

(1). Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.

- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.

- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

(2). Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

5. Đánh giá sự phát triển của trẻ

a. Nhà trẻ

ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY

(1). Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày.

(2). Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

(3). Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hàng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

(1). Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

(2). Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

(3). Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

(4). Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (6, 12, 18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

b. Mẫu giáo**ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY**

(1) Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

(2) Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

(3) Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

(1). Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

(2). Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

(3). Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

(4). Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.

- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

V. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Căn cứ hướng dẫn Chương trình GDMN của Bộ giáo dục và đào tạo; thực hiện “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, Hướng dẫn thực hiện Chương trình GDMN và bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho CBQL và GVMN năm 2025. Trường Mầm non Quảng Thịnh linh hoạt định hướng giáo viên mạnh dạn, lựa chọn và sáng tạo trong xây dựng môi trường giáo dục trang trí lớp, chuẩn bị nguồn học liệu phong phú, dễ tìm trong thiên nhiên, thân thiện với môi trường và tổ chức các hoạt động lấy trẻ làm trung tâm, áp dụng các phương pháp giáo dục từ các nước tiên tiến phù hợp với tình hình trẻ tại nhóm/lớp như: Steam để giúp cho trẻ có nhiều cơ hội trải nghiệm, sáng tạo, và khơi mở những tiềm năng ở giai đoạn vàng.

Sử dụng nguồn học liệu từ chương trình “Tôi yêu Việt Nam” để rèn luyện và hình thành kỹ năng An toàn giao thông cho trẻ tại trường. Và thực hiện lồng ghép có hiệu quả các chuyên đề “Bảo vệ môi trường” và “Ứng phó với biến đổi khí hậu” vào trong các hoạt động giáo dục.

Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên khối MG Lớn (5-6 tuổi) không dạy trước chương trình lớp Một, nhưng tăng cường các hoạt động tiếp cận với việc học như: làm quen chữ cái, làm quen với toán nhằm giúp cho trẻ 5-6 tuổi có những kiến thức, rèn luyện các kỹ năng và phát triển các năng lực, phẩm chất tạo tiền đề bước vào lớp Một

Thường xuyên tổ chức các hoạt động vui hội, có sự tham gia của cha mẹ học sinh nhằm nâng cao công tác phối hợp với xã hội, gia đình, nhằm xây dựng “Trường mầm non xanh – an toàn – thân thiện và hạnh phúc”.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Đối với Hiệu Trưởng

- Biên soạn, duyệt và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Giám sát quá trình thực hiện chương trình giáo dục tại nhà trường
- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết
- Chịu trách nhiệm trước cấp trên về chương trình giáo dục nhà trường

2. Đối với Phó Hiệu trưởng

- Tham mưu, phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Giám sát quá trình thực hiện chương trình giáo dục tại nhà trường

- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết
- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường tới các tổ chuyên môn

3. Đối với Tổ chuyên môn

- Tham mưu, phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Giám sát quá trình thực hiện chương trình giáo dục tại nhà trường
- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết
- Triển khai tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường tới toàn thể giáo viên

4. Đối với giáo viên nhóm lớp

- Tham mưu, phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết
- Phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Thực hiện chương trình giáo dục tại nhà trường phù hợp với nhóm lớp mình phụ trách

VI. ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Sau quá trình đánh giá sự phát triển của trẻ (đánh giá trẻ hằng ngày, đánh giá trẻ theo giai đoạn, đánh giá trẻ cuối chủ đề) để thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục của nhà trường từ đó nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường một cách phù hợp.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc các bộ phận cần kịp thời phản ánh về ban lãnh đạo nhà trường để có hướng dẫn chỉ đạo kịp thời.

Trên đây là Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của Trường Mầm non Quảng Thịnh năm học 2025-2026. Đề nghị tất cả giáo viên, nghiên cứu và triển khai thực hiện kịp thời./.

Nơi nhận :







- Phòng VH-XH xã Quảng Đức(b/c)
- Các tổ CM (thực hiện)
- Lưu VT-HSCM

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Nguyệt

**HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH
NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ký tên
1	Nguyễn Thị Nguyệt	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Trần Thị Thu Hà	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Phạm Thị Phương	Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
4	Cao Thị Thoa	Giáo viên-Tổ trưởng tổ chuyên môn 2	Thư ký	
5	Đỗ Thị Hiền	Giáo viên -Tổ trưởng tổ chuyên môn 1	Thành viên	
6	Hà Thị Hương	Giáo viên-Tổ phó tổ chuyên môn 1	Thành viên	
7	Vương Thị Ngọc Ánh	Giáo viên- Tổ phó tổ chuyên môn 2	Thành viên	